

Bản chất hợp tác xã: thảo luận một số nội dung trong dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi)

VÕ THỊ KIM SA

Ở nước ta, hợp tác xã đầu tiên được thành lập cách đây hơn 50 năm và Luật Hợp tác xã đầu tiên có hiệu lực từ năm 1997. Hàng chục nghìn hợp tác xã thuộc nhiều lĩnh vực trên khắp cả nước được hình thành, chuyển đổi và hoạt động theo luật. Rất nhiều người nói về hợp tác xã, bàn về hợp tác xã và thậm chí hành động để hình thành và phát triển hợp tác xã. Thế nhưng, thực tiễn cho thấy nhận thức của một số người về bản chất của hợp tác xã chưa thật sự rõ ràng, chưa đầy đủ, thậm chí còn lệch lạc. Vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay là nhận thức đúng bản chất hợp tác xã, định hình chuẩn về khuôn khổ pháp luật để làm điểm tựa hỗ trợ hợp tác xã phát triển bền vững và công tác quản lý nhà nước về hợp tác xã có hiệu quả.

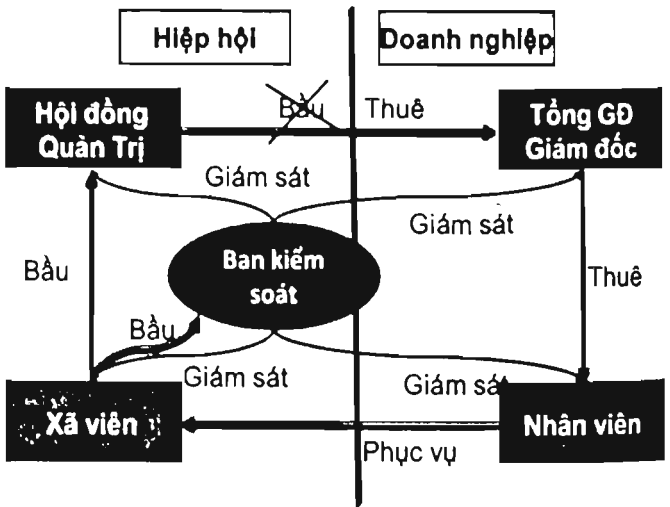
1. Khái niệm và cơ cấu tổ chức của hợp tác xã

Trong Bản tuyên ngôn về các đặc trưng của hợp tác xã (*statement of co-operative identity*), Liên minh Hợp tác xã quốc tế định nghĩa hợp tác xã như sau: “Hợp tác xã là một hiệp hội (association) tự chủ do các cá nhân tự nguyện liên kết với nhau nhằm thỏa mãn nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua việc hình thành doanh nghiệp (enterprise) do tập thể xã viên đồng sở hữu và quản lý dân chủ.” (Liên minh Hợp tác xã quốc tế, 1995). Luật Hợp tác xã (sửa đổi) nên sử dụng khái niệm này của Liên minh Hợp tác xã quốc tế để làm nổi bật tính đặc thù của tổ chức hợp tác xã.

Ý niệm về vai trò kép của hợp tác xã: vừa là một hiệp hội, vừa là một doanh nghiệp được thể hiện ở hình 1: đây là minh họa trực quan, rõ ràng về những mối quan hệ giữa các cấu phần tạo thành hợp tác xã. Nhìn vào cơ cấu tổ chức của hợp tác xã, chúng ta tin chắc rằng hợp tác xã có cấu trúc phức tạp hơn bất kỳ doanh nghiệp hay tổ chức hiệp hội nào, bởi vì nó có hai cơ cấu cùng tồn tại song hành: một doanh nghiệp mang tính xã hội và một hiệp hội mang tính kinh tế. Khía cạnh hiệp hội được hình thành trên cơ sở các cá nhân tự nguyện liên kết trên tinh thần

tương trợ, dân chủ, công bằng, bình đẳng, bác ái, trách nhiệm với cộng đồng... Trong khi đó, khía cạnh doanh nghiệp được thể hiện ở việc hợp tác xã huy động vốn góp của xã viên để tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhằm mục đích mang lại lợi ích tốt nhất cho xã viên và gia tăng tài sản của hợp tác xã.

HÌNH 1: Vai trò kép của hợp tác xã



Dự thảo (lần thứ 6) Luật Hợp tác xã sửa đổi đã thể hiện phần nào bản chất của hợp tác xã. Điều 43 quy định cơ cấu tổ chức quản lý hợp tác xã bao gồm đại hội thành viên, hội đồng quản trị, giám đốc và ban kiểm soát

Võ Thị Kim Sa, Trưởng Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn II.

hoặc kiểm soát viên. Như vậy cơ cấu tổ chức của hợp tác xã được phân định rạch ròi thành hai bộ máy: hội đồng quản trị và giám đốc. Hội đồng quản trị lãnh đạo khía cạnh “hiệp hội” của hợp tác xã tinh thần dân chủ, biểu quyết theo đa số. Tổng giám đốc hay giám đốc điều hành “doanh nghiệp” hợp tác xã theo chế độ trách nhiệm cá nhân.

2. Chủ tịch hội đồng quản trị có nên kiêm giám đốc, tổng giám đốc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hay không?

Hiện nay, trong nhiều hợp tác xã, một người vừa đảm nhận chức vụ trưởng ban quản trị (dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi) gọi là chủ tịch hội đồng quản trị), vừa đảm nhận vai trò chủ nhiệm hợp tác xã (giám đốc). Trưởng ban quản trị trước hết phải là xã viên, những người rất giỏi trong sản xuất, nhưng đa phần thiếu kiến thức, kỹ năng, tầm nhìn và sự nhạy cảm cần thiết trong quản trị kinh doanh. Chính vì vậy, rất nhiều hợp tác xã, nhất là hợp tác xã nông nghiệp hiện nay hoạt động trong quy mô bó hẹp, thiếu tính cạnh tranh và ít hiệu quả.

Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc có thể gây ra hiện tượng xung đột vai trò, bởi vì như đã phân tích ở trên, nguyên tắc quản trị “hiệp hội” hoàn toàn khác biệt với việc điều hành “doanh nghiệp”. Hơn nữa, điều này tiềm ẩn nguy cơ rủi ro rất lớn khi tập trung quá nhiều quyền lực vào tay một cá nhân. Tách bạch vai trò của chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc là vô cùng quan trọng, nhằm bảo đảm hợp tác xã vận hành theo đúng bản chất vai trò kép của mình.

3. Hội đồng quản trị và ban kiểm soát lãnh đạo “hiệp hội” trên tinh thần tự nguyện; giám đốc và nhân viên làm việc cho “doanh nghiệp” hợp tác xã theo hợp đồng lao động

Dự thảo Luật Hợp tác xã sửa đổi quy định: “Đại hội thành viên xác định mức thù lao, tiền công, tiền lương và tiền thưởng cho chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị;

trưởng ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các xã viên là thành viên ban kiểm soát; giám đốc, tổng giám đốc, phó giám đốc, phó tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã” (điều 46).

Ở khía cạnh đầu tiên, hợp tác xã mang đặc trưng của một hiệp hội do các cá nhân có nguyện vọng và nhu cầu chung cùng tự nguyện liên kết, tương trợ nhau, hoạt động trên cơ sở dân chủ, công bằng, bình đẳng, bác ái ... nhằm mang lại lợi ích tốt nhất không chỉ cho xã viên, mà còn vì mục tiêu phát triển cộng đồng. Hội đồng quản trị được hình thành trên cơ sở bầu cử, là cơ quan đại diện cho tập thể xã viên quản trị hợp tác xã và chăm sóc lợi ích của xã viên. Ban kiểm soát là cơ quan cũng do xã viên bầu ra nhằm thực hiện chức năng giám sát và kiểm tra mọi hoạt động của hợp tác xã. Các thành viên của hội đồng quản trị và ban kiểm soát lãnh đạo, quản lý khía cạnh “hiệp hội” của hợp tác xã, thực thi nhiệm vụ của mình trên tinh thần tự nguyện, vì lợi ích chung của tập thể. Họ không làm việc toàn thời gian cho hợp tác xã. Hợp tác xã có trách nhiệm chi trả các khoản công tác phí và chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động, đóng góp của họ cho hợp tác xã. Hay nói cách khác, hợp tác xã không nên trả lương cố định hoặc tiền công cho đội ngũ này.

Ở khía cạnh “doanh nghiệp”, hoạt động sản xuất kinh doanh mang tính chuyên môn cao, đòi hỏi kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sâu rộng và sự nhạy cảm cần thiết để quản trị kinh doanh một cách có hiệu quả, nhất là trong môi trường mang tính cạnh tranh cao. Giám đốc, các phó giám đốc và nhân viên lao động là những người được hợp tác xã thuê để vận hành “doanh nghiệp” hợp tác xã nhằm đạt được những mục tiêu định sẵn, nên họ được trả lương và tiền công theo hợp đồng lao động.

4. Nhất thiết phải quy định giới hạn việc cung cấp vật phẩm và dịch vụ ra thị trường bên ngoài

Tại điều 9, dự thảo Luật Hợp tác xã sửa đổi quy định “hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thị trường bên ngoài cộng đồng xã viên, nhưng tối đa không quá 40% tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã”

Trong hợp tác xã, tập hợp xã viên có tính chất rất đặc biệt. Xã viên thành lập “doanh nghiệp” hợp tác xã để mưu tìm cách thức thỏa mãn nhu cầu chung. Mục tiêu tối thượng của hợp tác xã là vì lợi ích tốt nhất cho xã viên. Thông qua hoạt động “mua chung, bán chung” xã viên tiết kiệm được chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của hoạt động kinh doanh của mình. Điều này có nghĩa là xã viên vừa là người đồng sở hữu, quản lý hợp tác xã theo nguyên tắc dân chủ, vừa là khách hàng của hợp tác xã. “Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hóa, cầm máy..., thì cho phép mượn người ngoài” (Hồ Chí Minh, Đường Kách mệnh, 1927). Đặc tính này làm nổi bật sự khác biệt cơ bản giữa bản chất hợp tác xã so với công ty cổ phần. Ở công ty cổ phần, các cổ đông liên kết vốn với mục đích tối đa hóa lợi nhuận và họ không nhất thiết phải giao dịch mua, bán với công ty.

Hợp tác xã cung cấp dịch vụ cho xã viên đi đôi với việc xã viên có quyền và có nghĩa vụ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã khi có nhu cầu. Đây là bản chất kinh tế rất quan trọng làm cho hợp tác xã phát triển bền vững. “Hạt nhân, trung tâm của hợp tác xã là xã viên; xã viên là chủ đích thực của hợp tác xã, là mục tiêu mà hợp tác xã phải phục vụ; hợp tác xã là phương tiện để phục vụ xã viên, phải đảm bảo đem lại lợi ích cho xã viên” (Hồ Chí Minh, Đường Kách mệnh, 1927). Chính vì vậy, Luật Hợp tác xã cần quy định hạn chế giao dịch giữa hợp tác xã với thị trường bên ngoài. Hay nói cách khác, Luật Hợp tác xã cần quy định tỷ lệ giá trị hàng hóa vật phẩm và dịch vụ tối thiểu mà

hợp tác xã buộc phải giao dịch với xã viên của mình. Tỷ lệ này cần được thích ứng với tình hình thực tế. Theo tiến sĩ Nguyễn Minh Tú, vụ trưởng Vụ Hợp tác xã, năm 2006 các hợp tác xã ở nước ta giao dịch với xã viên khoảng 43% trong tổng giá trị hàng hóa vật phẩm và dịch vụ của hợp tác xã; tỷ lệ này tăng lên 60% vào năm 2006¹. Trên cơ sở số liệu thống kê này, sẽ hợp lý hơn nếu quy định hợp tác xã cần phải giao dịch với xã viên tối thiểu là 70% tổng giá trị hàng hóa vật phẩm và dịch vụ của hợp tác xã. Khi hợp tác xã cung ứng dịch vụ đầu vào (phân bón, thức ăn chăn nuôi, hàng tiêu dùng...) thì lấy doanh thu làm cơ sở để xác định tỷ lệ. Khi hợp tác xã cung ứng dịch vụ đầu ra (như tiêu thụ sản phẩm) thì tỷ lệ này xác định trên cơ sở giá vốn hàng bán.

5. Phân phối giá trị thặng dư theo mức độ sử dụng dịch vụ

Về mặt từ ngữ, một số quốc gia dùng khái niệm “*surplus*” (giá trị thặng dư) để chỉ phần tiền chênh lệch giữa doanh thu và chi phí trong hợp tác xã và khái niệm tương ứng trong doanh nghiệp là “*profit*” (lợi nhuận, lãi). Ở Việt Nam trong các văn bản pháp luật cũng như trong cuộc sống thực tiễn, hai khái niệm “lợi nhuận” và “lãi” được sử dụng cho cả hợp tác xã lẫn doanh nghiệp. Trong hợp tác xã, khái niệm “giá trị thặng dư” phản ánh đúng bản chất hơn, bởi vì đó là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí có nguồn gốc từ giao dịch giữa hợp tác xã với các chủ sở hữu của nó (xã viên vừa là chủ sở hữu, vừa là khách hàng của hợp tác xã).

Theo khuyến cáo của Liên minh Hợp tác xã quốc tế, xã viên hợp tác xã được phân phối lại giá trị thặng dư theo mức độ sử dụng dịch vụ. Xã viên cùng góp vốn gây dựng hoạt động chung, cùng sử dụng dịch vụ, cùng chia sẻ chi phí, cùng chịu trách nhiệm và cùng hưởng lợi từ hợp tác xã. Cách thức phân phối giá trị thặng dư của hợp tác

1. Báo cáo đề dẫn tại hội thảo góp ý hoàn thiện dự thảo Luật Hợp tác xã sửa đổi ngày 7-4-2011 tại thành phố Hồ Chí Minh.

xã nên dựa trên cơ sở mức độ sử dụng dịch vụ. Kể cả trường hợp hợp tác xã được thành lập chỉ nhằm mục đích tạo việc làm cho xã viên, giá trị thặng dư cũng được phân phối cho thành viên theo mức độ hoàn thành công việc (số lượng và chất lượng lao động) của thành viên đó chứ không theo mức độ góp vốn. Xã viên nào càng giao dịch nhiều với hợp tác xã thì nhận được phần phân phối lại càng cao. Điều này góp phần gia tăng mức độ trung thành của xã viên với hợp tác xã và là tiền đề để hợp tác xã phát triển bền vững.

Hiện tượng đề cao tính lợi nhuận và phân phối giá trị thặng dư theo vốn góp ở đa số hợp tác xã hiện nay làm xói mòn tinh thần hợp tác. Nếu hợp tác xã áp dụng cách phân chia lợi nhuận giống như ở công ty cổ phần, tức là cổ tức phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu, thì xã viên sẽ trông chờ vào “phần chia lợi nhuận” (chẳng khác gì cổ tức) và không cần giao dịch với hợp tác xã. Điều này làm cho hợp tác xã đi chệch khỏi bản chất, hướng đến doanh nghiệp thuần túy vì lợi nhuận.

Một ví dụ từ thực tế: tại một hợp tác xã nông nghiệp, “lãi chia cho xã viên” vào cuối năm lên đến 56% so với vốn góp. Một nguy cơ của việc phân phối lại lợi nhuận theo vốn góp là các hợp tác xã có xu hướng “đóng cửa” không muốn kết nạp xã viên mới. Hợp tác xã này trong tình trạng thiếu vốn để đầu tư tái sản xuất, nhưng ban quản trị không dám đưa phương án tăng tỷ lệ trích lập quỹ phát triển sản xuất để gia tăng tích lũy nội bộ. Hợp tác xã không thể vượt qua khó khăn vì tâm lý “xã viên sẽ phản đối nếu phần lãi nhận được năm sau thấp hơn năm trước (!)”

Từ thực trạng của Việt Nam, nếu áp dụng nghiêm ngặt nguyên tắc phân phối lại giá trị thặng dư theo mức độ sử dụng dịch vụ thì hợp tác xã khó huy động vốn. Một giải pháp hợp lý cho vấn đề này là phân định 2 loại cổ phần: cổ phần thành viên và cổ phần đầu tư (như Luật Hợp tác xã

Canada). Lãi suất trên cổ phần đầu tư được ấn định trước và bị khống chế ở mức độ vừa đủ để hợp tác xã có thể huy động được vốn đầu tư. Thông thường lãi suất này bằng hoặc thấp hơn lãi suất tiền gửi tiết kiệm ở các ngân hàng thương mại.

Khi xã viên hợp tác xã được phân phối lại giá trị thặng dư theo mức độ sử dụng dịch vụ, thì Luật không cần quy định việc gián đoạn sử dụng dịch vụ trong khoảng thời gian nhất định (tối đa là 3 năm) để làm cơ sở chấm dứt tư cách xã viên. Luật cũng không cần giới hạn số lượng vốn tối đa mà xã viên có thể góp (30% như trong điều 17 của dự thảo Luật Hợp tác xã sửa đổi). Đa số các hợp tác xã hiện nay trong tình trạng thiếu vốn. Quy định này sẽ góp phần gia tăng tình trạng thiếu hụt vốn của hợp tác xã hiện nay.

6. Tính bất khả chuyển nhượng

Một phần tài sản của hợp tác xã (không phải là tất cả) là tài sản chung không chia. Tài sản chung không chia của hợp tác xã mang tính chất bất khả chuyển nhượng nhằm bảo đảm sự tồn tại liên tục của hợp tác xã và chống lại bất cứ sự mua bán cơ hội nào. Điều này có nghĩa là khi nào hợp tác xã còn đủ điều kiện để hoạt động thì không ai có thể bán hay chuyển nhượng hợp tác xã được. Đây là đặc điểm mang tính bản chất, đề cao giá trị cộng đồng và sở hữu chung của hợp tác xã. Tài sản chung được hình thành và phát triển không có mục đích tự thân, mà hướng đến việc phục vụ hiệu quả nhu cầu chung của xã viên. Ngược lại, ở công ty cổ phần, tất cả tài sản thuộc về cổ đông tương ứng với tỷ lệ số lượng cổ phần mà họ sở hữu. Việc mua bán, chuyển nhượng công ty xảy ra như là một hiện tượng bình thường và ngày càng trở nên phổ biến.

Trong trường hợp hợp tác xã phải giải thể thì tài sản chung không chia còn lại sau khi giải quyết các khoản nợ sẽ do đại hội xã viên quyết định chuyển giao cho tổ chức có trách nhiệm thúc đẩy phong trào phát triển

hợp tác xã hoặc chuyển cho hợp tác xã khác hoạt động trong cùng lĩnh vực.

7. Thành lập công ty trong hợp tác xã

Quy định việc thành lập công ty trong hợp tác xã là cần thiết. Mục đích của việc thành lập công ty trong hợp tác xã là để thu hút vốn đầu tư bên ngoài, hoặc để hướng đến cung cấp vật phẩm và dịch vụ ra thị trường bên ngoài. Công ty trực thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được điều chỉnh bằng Luật Doanh nghiệp.

Điều 38 của dự thảo Luật quy định “Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quyền thành lập công ty nhằm mục tiêu cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ thành viên” là không phù hợp.

8. Cán bộ, công chức nhà nước có được giữ các chức danh thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hay không?

Quy định này nhằm đảm bảo nguyên tắc tự chủ và độc lập của hợp tác xã. Điều này cũng nhằm ngăn ngừa hiện tượng xung đột lợi ích “vừa đá bóng, vừa thổi còi” Đối với những cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, họ không thể đảm nhận hai vai trò trái ngược nhau: một mặt, họ là người xây dựng pháp luật, chính sách về hợp tác xã và bảo đảm các quy định pháp luật được thực thi, tức là chủ thể quản lý nhà nước; mặt khác, chính họ là người quản lý hợp tác xã, tức là khách thể chịu sự quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, Luật cũng cần xem xét đến những cán bộ, công chức mà nhiệm vụ của họ không liên quan đến hợp tác xã. Liệu quy định này có bó hẹp quyền công dân của họ hay không? Liệu quy định này có hạn chế sự đóng góp của họ đối với sự phát triển hợp tác xã hay không? Các chức danh thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát trong hợp tác xã được hình thành trên cơ chế bầu cử. Những người đảm nhiệm chức danh này làm việc theo

từng công việc cụ thể và không nhận lương cố định từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (như đã phân tích ở mục 3).

9. Thẩm quyền của đại hội xã viên

Dự thảo Luật Hợp tác xã sửa đổi quy định thẩm quyền của đại hội xã viên quá rộng. Một số quyền mà đại hội xã viên có thể ủy quyền cho hội đồng quản trị như: chấp thuận kết nạp xã viên mới; thông qua việc xã viên xin ra khỏi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; quyết định khai trừ xã viên, chấm dứt tư cách xã viên.

Luật Hợp tác xã nên bổ sung quyền của hội đồng quản trị là xét duyệt việc chuyển nhượng vốn góp của xã viên. Xã viên không thể tự tiện chuyển nhượng tư cách xã viên, quyền và nghĩa vụ của mình cho người khác, vì việc trở thành xã viên phải đảm bảo một số điều kiện nhất định và được sự đồng ý của hội đồng quản trị. Không có bất kỳ sự chuyển nhượng tư cách xã viên, các khoản nợ hay vốn góp của xã viên nào có hiệu lực, trừ phi sự chuyển nhượng này được sự chấp thuận của hội đồng quản trị và tuân thủ đúng quy định của pháp luật và điều lệ hợp tác xã.

10. Bổ sung nguyên tắc giáo dục, đào tạo và thông tin

Hiện nay, 7 nguyên tắc của hợp tác xã do Liên minh Hợp tác xã quốc tế công bố vào năm 1995 trong Bản tuyên ngôn về các đặc trưng của hợp tác xã (*statement of co-operative identity*) được công nhận rộng rãi như những quy phạm mang tính quốc tế. Nguyên tắc “giáo dục, đào tạo và thông tin” không được đề cập trong dự thảo. Hợp tác xã cần tổ chức đào tạo cho xã viên, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, người lao động để họ có những đóng góp thiết thực và hiệu quả cho hợp tác xã. Hợp tác xã cần thông tin cho công chúng, nhất là giới trẻ về bản chất và lợi ích của hợp tác xã nhằm nâng cao nhận thức và thu hút sự quan tâm, trách nhiệm xã hội của họ đối với hợp tác xã. Điều này đặc biệt hữu ích trong bối

cảnh Việt Nam hiện tại, khi mà một bộ phận công chúng chưa nhận thức đúng và đầy đủ về bản chất và giá trị của hợp tác xã.

Kết luận

Ngay từ khi tạo dựng hình hài hợp tác xã đầu tiên, những nhà sáng lập Liên minh những người tiên phong công bằng Rochdale đã chọn lọc những ưu việt trong nguyên tắc hoạt động của hiệp hội tự nguyện và doanh nghiệp, biến thể chúng để tạo ra tổ chức “hợp tác xã” có những đặc trưng riêng biệt. Hợp tác xã là một tổ chức rất đặc thù, mang tính “nhị nguyên” thể hiện ở vai trò kép với hai cơ cấu cùng tồn tại song hành: (i) khía cạnh hiệp hội được hình thành trên cơ sở các cá nhân tự nguyện, liên kết với nhau trên tinh thần tương trợ, dân chủ, minh bạch, bình đẳng, bác ái, trách nhiệm cộng đồng; và (ii) khía cạnh doanh nghiệp được thể hiện ở việc

huy động vốn góp của xã viên để tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả (giá trị thặng dư) vì mục tiêu gia tăng thêm tài sản của xã viên và tích lũy nội bộ trong hợp tác xã. Thật sai lầm khi cho rằng hợp tác xã là “cánh tay nối dài” của chính quyền và sai lầm hơn khi tin rằng hợp tác xã là “con đẻ của nhà nước”

Từ những kinh nghiệm thành công trong và ngoài nước, chúng ta có thể tin tưởng một cách chắc chắn rằng với vai trò kép vừa là tổ chức hiệp hội vừa là tổ chức kinh tế, hợp tác xã có thể hoạt động tốt như bất kỳ doanh nghiệp nào. Thậm chí hợp tác xã có thể hoạt động tốt hơn doanh nghiệp, nếu chúng ta am hiểu tường tận bản chất của hợp tác xã, biết cách sử dụng và khai thác công cụ tập thể độc đáo này. Hợp tác xã là phương tiện hữu hiệu giúp kinh tế hộ nâng cao sức cạnh tranh và phát triển./.